TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 4 – 2018
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Dương Hùng Quang**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Lê Thái Ngọc**
Ông **Huỳnh Hoàng Khởi**

- Thư ký phiên toà: Bà **Tô Huyền Trang**– Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 929/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thanh C** - sinh năm 1971 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp Bùng Binh 2, xã Hòa T, thành phố Cà M, tỉnh Cà M

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T** - sinh năm 1968 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp Bùng Binh 2, xã Hòa T, thành phố Cà M, tỉnh Cà M

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Cà M

Trụ sở: số 22, đường Lý Bôn, phường 2, thành phố Cà M, tỉnh Cà M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn L – Giám đốc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Cà M

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc B – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội - Chi nhánh tỉnh Cà M (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2017 và lời trình bày của chị Huỳnh Thanh C tại phiên tòa:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thanh C và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2003 vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được. Mỗi lần uống rượu về anh T thường hay có hành động dùng vũ lực dẫn đến xô xát. Chị C nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thanh N- sinh năm 1990; Nguyễn Thanh H - sinh năm 1997. Các cháu hiện nay đã trưởng thành. Khi ly hôn không đề cập.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định không nợ ai và vợ chồng không có nợ ai.

* Đối với anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết thông báo thụ lý, thông báo giao nộp chứng cứ, hòa giải, quyết định đưa vụ án xét xử theo thủ tục qui định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

* Đối với Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Cà M, người đại diện theo ủy quyền vắng mặt và có yêu cầu Tòa án hòa giải xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai và đơn yêu cầu, Ngân hàng yêu cầu anh T, chị C cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay học sinh, sinh viên. Đối với khoản nợ vay chính sách diện hộ cận nghèo, hiện nay chưa đến thời gian thanh toán, hơn nữa anh, chị không có phân chia phần tài sản nên chưa yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Quan hệ pháp luật giữa nguyên, bị đơn đặt ra được xác định là quan hệ về hôn nhân gia đình, yêu cầu xin ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều luật được áp dụng Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1] Về hôn nhân chị Huỳnh Thanh C, anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định. Thời điểm anh, chị chung sống với nhau là sau ngày 03/01/1987 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực. Khi chung sống cả hai anh, chị đều không đăng ký kết hôn. Nay chị C yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân, do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt. Nguyên nhân do anh T uống rượu về thường hay đánh chị và không quan tâm gia đình. Đối với anh T hiện nay đã bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi cư trú cho Tòa án.

Vào ngày 12/12/2017 Tòa án có nhận được Tờ tường trình của anh T ngày 10/12/2017. Tại tờ tường trình có chữ ký tên Nguyễn Thanh T do anh Nguyễn Vũ B sinh năm 1986, địa chỉ ấp Bùng Binh I xã Hòa T, thành phố Cà M là em cùng mẹ, khác cha với anh T cung cấp cho Tòa án. Nội dung tờ tường trình xác định: Về hôn nhân anh T cho là không còn hạnh phúc. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh Trong cho là chị C quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và nhờ Tòa án xác minh. Về tài sản có căn nhà, phần đất là của cha mẹ ruột anh T. Về nợ thừa nhận còn nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh Cà M và một số nợ bên ngoài nhưng anh không cung cấp họ tên địa chỉ của các chủ nợ. Tại tờ tường trình, anh T thừa nhận có nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Song anh T không đến tòa án để giải quyết vụ án.

Như vậy chứng minh rằng tình cảm vợ chồng của anh, chị không còn hạnh phúc. Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý, nên tuyên bố không công nhận anh T, chị C là vợ chồng.

[2] Về con chung: có 02 người tên Nguyễn Thanh N - sinh năm 1990; Nguyễn Thanh H - sinh năm 1997. Các cháu hiện nay đã trưởng thành tự nuôi sống nên không xem xét việc giao con cho vợ hay chồng nuôi và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu giải quyết. Tại tờ tường trình anh T cũng xác định là không có tài sản, đối với phần đất đang ở là của mẹ anh T cho, còn nhà là do nhân dân địa phương đóng góp xây dựng. Do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ: Chị C xác định không nợ ai. Đối với anh T tại tờ tường trình xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Cà M và một số người bên ngoài nhưng anh không cung cấp địa chỉ của chủ nợ, vì vậy tòa án không thể xác minh thu thập, chứng cứ được, nên tách ra giải quyết riêng. Đối với phần nợ của Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh Cà M, qua làm việc, Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh Cà M xác định anh T, chị C vay hai khoản nợ: khoản vay sinh viên nghèo và khoản vay Hộ cận nghèo.

Theo đơn kiện, chị C xác định không có nợ là không có căn cứ. Bởi lẽ quá trình chung sống gia đình chị có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Cà M hai khoản nợ. Tại tòa đại diện theo ủy quyền Ngân hàng chính sách xã hội vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 27/12/2017, Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh Cà M xác định: anh T, chị C vay thuộc trường hợp hộ cận nghèo, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/03/2020, hiện nay nợ gốc còn thiếu 6.000.000đ, lãi tính đến ngày 17/04/2018 là 1.002.000đ, tổng cộng là 7.002.000đ. Đối với khoản nợ vay hộ nghèo, anh T là chủ hộ, chị C ký kết với tư cách là người thừa kế. Tại tòa chị C cho là việc ký vay đều do anh Trong ký chị không có ký với tư cách người thừa kế. Thực tế, anh T vay nhằm mục đích phục vụ chung trong sinh hoạt gia đình. Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Cà M yêu cầu vợ chồng cùng thanh toán, song hiện nay chưa đến thời hạn. Hơn nữa, về phần tài sản của anh T, chị C không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên được tách ra, khi đến thời hạn thanh lý hợp đồng. Nếu anh T, chị C không thanh toán đúng thời hạn thì Ngân hàng Chính sách Xã hội có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Đối với hợp đồng cho vay diện học sinh, sinh viên nghèo, còn thiếu lại nợ gốc là 25.600.000đ, lãi tính đến ngày 17/04/2018 là 10.572.057đ. Đối với khoản vay này hiện nay đã quá hạn. Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Cà M xác định anh T, chị C có trách nhiệm cùng thanh toán. Nhận thấy việc yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Cà M là hoàn toàn có căn cứ, nên buộc anh T, chị C cùng có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng mỗi người ½. Đối với phần vốn, lãi tính đến ngày 17/04/2018 là 36.172.057đ, trong đó vốn là 25.600.000đ, lãi là 10.572.057đ. Do việc không công nhận anh chị là vợ chồng, nên mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ số tiền là 18.086.028đ, trong đó vốn là 12.800.000đ, lãi tính đến ngày 17/4/2018 là 5.286.028đ. Đồng thời anh T, chị C phải tiếp tục thanh toán phần lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh hành xong phần nợ.

Về tư cách tố tụng, tuân thủ pháp luật của đương sự. Nhận thấy đương sự anh Nguyễn Thanh T là bị đơn, trong vụ án quá trình giải quyết, anh có thay đổi nơi cư trú mới, nhưng không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các giấy tờ theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên. Anh T và Ngân hàng chính sách xã hội được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị C nộp, ngoài ra chị C, anh T còn phải nộp án phí có giá ngạch phần buộc trả nợ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Huỳnh Thanh C và Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Thanh N- sinh năm 1990; Nguyễn Thanh H- sinh năm 1997. Hiện nay đã trưởng thành tự nuôi sống. Không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Chị Huỳnh Thanh C và anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Cà M số tiền vốn và lãi là 36.172.057đ, mỗi người ½ tính đến ngày 17/04/2018 cụ thể:

Chị C thanh toán số tiền 18.086.028đ (Trong đó vốn là 12.800.000đ; lãi 5.286.028đ). Số tiền trên được tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong.

Anh T thanh toán số tiền 18.086.028đ. (Trong đó vốn là 12.800.000đ; lãi 5.286.028đ). Số tiền trên được tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong.

Đối với khoản tiền vay diện hộ nghèo. Hiện nay chưa đến thời gian thanh toán được tách ra. Anh T, chị C cùng có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán mỗi người ½ khi Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Cà M có yêu cầu thành vụ án dân sự khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị C phải nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 22/11/2017 chị C đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo lai số 0000011 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị C nộp 904.000đ. Anh T nộp 904.000đ (chưa nộp). Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Cà M không phải nộp.

Chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh T, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Cà M có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự; Điều 269 BLTTDS.
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Hùng Quang